

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030

Hoàng Minh¹, Nguyễn Lan Anh

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) ở nước ta luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng và đã được khẳng định trong nhiều văn kiện quan trọng như Cương lĩnh phát triển đất nước, các văn kiện, nghị quyết của Đảng, các đạo luật, ... Trong những năm qua, đường lối, chủ trương của Đảng đã định hướng cho sự phát triển của ngành KH&CN và qua đó KH&CN&ĐMST đã đạt được những thành tựu đáng kể, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy vậy, so với kỳ vọng của xã hội cũng như sứ mệnh quan trọng của KH&CN&ĐMST thì KH&CN&ĐMST của Việt Nam vẫn chưa thực sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

Bài viết tóm tắt những chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển KH&CN&ĐMST, trình bày tổng quan những đóng góp của KH&CN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta thời gian qua; khái quát bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến phát triển KH&CN&ĐMST trong thời gian tới và đề cập tới những nội hàm KH&CN&ĐMST được trình bày tại dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Kinh tế-xã hội.

Mã số: 20101101

SOME DEVELOPMENT ORIENTATIONS OF SCIENCE, TECHNOLOGY AND INNOVATION IN VIETNAM'S SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT PHASE 2021-2030

Abstract:

The development of Science, Technology and Innovation (STI) in Vietnam has always been interested and focused by the Party and the State, has been confirmed in many important documents such as the National Development Platform, the acts, resolutions of the Party, ... Over the past years, the Party's lines and policies have oriented the development of the science and technology industry and through which STI have achieved remarkable achievements, contributing to the national socio-economic development. However, compared to the social expectation as well as the important mission of STI, Vietnam's STI has not really become a driving force to improve labor productivity, enhance competitiveness, and promote development of socio-economic.

¹ Liên hệ tác giả: hoangminh.most@gmail.com

The article summarizes the major guidelines and orientations of the Party and State on the development of STI, it presents an overview of the contributions of STI to socio-economic development in our country in the past, then it introduces an overview of the domestic and international context affecting the development of STI in the future and introducing the contents of STI presented in the draft 10-year socio-economic development strategy for the period of 2021-2030 to submit to the 13th National Party Congress.

Keywords: *Science and technology; Innovation; Scio-economic.*

1. Chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Đảng và Nhà nước

Phát triển KH&CN&ĐMST đã được đề cập trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước, điển hình như: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020; Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020;... Trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước đã thể hiện rõ những đường lối, chủ trương lớn về phát triển KH&CN&ĐMST như:

- Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Đầu tư cho KH&CN&ĐMST luôn đóng vai trò quan trọng, là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị-xã hội, nâng cao chỉ số phát triển con người, nâng tầm trí tuệ của quốc gia. Không chỉ ở Việt Nam mà chính phủ nhiều quốc gia trên thế giới cũng coi KH&CN là quốc sách hàng đầu. Bởi vậy, ngay trong quy định của Hiến pháp năm 1992, Nghị quyết Trung ương lần thứ hai Khoá VIII và đến nay, Đảng và Nhà nước luôn xác định KH&CN là quốc sách hàng đầu.

- Đầu tư cho nhân lực KH&CN&ĐMST là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc.

Trong mọi thời đại, nguồn nhân lực nói chung, nhân lực trình độ cao nói riêng, trong đó có đội ngũ nhân lực KH&CN&ĐMST luôn giữ vai trò quan trọng trong phát triển đất nước, là nền tảng của tiến bộ xã hội. Nhân lực KH&CN&ĐMST là lực lượng nòng cốt sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức vào đời sống. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng KH&CN, nhân lực KH&CN&ĐMST trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia. Đầu tư cho nhân lực

KHCN&ĐMST luôn giữ vai trò quan trọng, mang tính quyết định đến phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

- Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển KHCN&ĐMST; Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư cho KHCN&ĐMST, đặc biệt từ doanh nghiệp.

Với vai trò quốc sách hàng đầu của KH&CN, Nhà nước luôn phải đặt ưu tiên mọi nguồn lực cho phát triển KHCN&ĐMST. Tuy nhiên, bên cạnh nguồn lực của Nhà nước, cần huy động các nguồn lực khác từ xã hội để một mặt tăng thêm đầu tư cho KHCN&ĐMST, một mặt tạo sự chủ động của nhiều loại hình chủ thể trong xã hội tham gia vào hoạt động KHCN&ĐMST, đặc biệt là cần khuyến khích đầu tư cho KHCN&ĐMST của khu vực doanh nghiệp để doanh nghiệp trở thành lực lượng nòng cốt thực hiện ĐMST, là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia.

- Đổi mới hoạt động và cơ chế quản lý KHCN&ĐMST; phát triển thị trường KH&CN và mở rộng hợp tác quốc tế về KHCN&ĐMST.

Nhìn chung, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về KHCN&ĐMST đã được thể hiện cụ thể ở nhiều khía cạnh, thể hiện rõ mong muốn và quyết tâm phát triển kinh tế-xã hội dựa trên KHCN&ĐMST. Các nội dung này đã được đề cập nhất quán trong các văn kiện về KHCN&ĐMST, về phát triển kinh tế-xã hội và ở các cấp từ trung ương đến địa phương, đồng thời, những đường lối, chủ trương của Đảng cũng được chú trọng triển khai ở các văn bản của Nhà nước, làm cơ sở pháp lý để thực thi trên thực tế, qua đó, đã mang lại những đóng góp đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

2. Đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta thời gian qua

2.1. Những kết quả chủ yếu

Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật, chính sách phát triển KHCN&ĐMST của Việt Nam đã ngày càng hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho hoạt động KHCN&ĐMST. Kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt; tăng trưởng kinh tế giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, mở rộng tín dụng và từng bước dựa vào ứng dụng KHCN&ĐMST; tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 44,3% giai đoạn 2016-2020; GDP/người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD (*Ban*

Chấp hành TW, 2020). Những số liệu này cho thấy, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước có sự dịch chuyển về mô hình tăng trưởng. Trong sự phát triển đó có sự đóng góp quan trọng của KH&CN&ĐMST mà điển hình là trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, xây dựng, y tế, ngân hàng, công nghệ thông tin truyền thông, du lịch,... KH&CN&ĐMST đã góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Tiềm lực KH&CN&ĐMST quốc gia được củng cố gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển trong từng giai đoạn. Đội ngũ nhân lực KH&CN trình độ cao đã phát huy vai trò trong phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm của đất nước.

Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được thúc đẩy, lan tỏa trong xã hội. Đầu tư của doanh nghiệp và khu vực tư nhân cho KH&CN&ĐMST tăng mạnh. Khu vực tư nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tiềm lực KH&CN&ĐMST quốc gia. Tỷ lệ kinh phí đầu tư cho KH&CN&ĐMST từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách đã thay đổi theo hướng tăng dần đầu tư từ khu vực doanh nghiệp, giảm dần đầu tư từ ngân sách nhà nước. Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đã hình thành và phát triển nhanh, góp phần thúc đẩy hoạt động ĐMST trong nền kinh tế (*Ban Tuyên giáo TW, 2018; Bộ KH&CN, 2019*).

Thị trường KH&CN bước đầu gắn kết hoạt động KH&CN&ĐMST với sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ như Techmart, Techdemo,... được quan tâm triển khai. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ dần đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, hướng mạnh tới cải thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Hợp tác quốc tế đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (*Ban Tuyên giáo TW 2018; Bộ KH&CN 2019*).

Các mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết 20-NQ/TW và Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 về cơ bản đã đạt được. So với nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam đã luôn vươn lên tốp đầu về trình độ KH&CN&ĐMST. Trong bảng xếp hạng Chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) năm 2020, Việt Nam xếp hạng 42/131 quốc gia/nền kinh tế, duy trì thành công thứ hạng đã đạt được. So với năm 2019, chỉ số GI của Việt Nam có nhiều kết quả tích cực, được cải thiện về trình độ phát triển kinh doanh, cơ sở hạ tầng chung, đầu ra ĐMST (sản phẩm sáng tạo tăng 9 bậc so với năm 2019). Báo cáo của WIPO cho thấy, các nước xếp trên Việt Nam trong bảng xếp hạng GI năm 2020 đều là các quốc gia/nền kinh tế phát triển, thuộc nhóm thu nhập cao. Trong nhóm 29 quốc gia có thu nhập trung

bình thấp được xếp hạng GII năm 2020, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí đứng đầu; trong 10 nước khu vực Đông Nam Á, Việt Nam duy trì vị trí thứ 3, sau Singapore và Malaysia. Tiến bộ đáng chú ý là về liên kết ĐMST, với kết quả tốt hơn ở chỉ số hợp tác viện - trường - doanh nghiệp (tăng 10 bậc, từ vị trí 75 lên 65) và chỉ số quy mô phát triển của cụm công nghiệp (tăng 32 bậc, từ vị trí 74 lên 42), năng lực hấp thụ tri thức tăng 13 bậc so với năm 2019 (*Bộ Khoa học và Công nghệ, 2020*). Nhóm chỉ số về tri thức - công nghệ của Việt Nam có thứ hạng cao, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tăng năng suất các nhân tố tổng hợp, đồng thời, thể hiện sự chuyển biến thực chất của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững.

2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

a) Một số hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì KH&CN&ĐMST còn những hạn chế nhất định. Nhìn chung, trình độ KH&CN quốc gia còn có khoảng cách so với nhóm đầu khu vực Đông Nam Á. KH&CN&ĐMST chưa tạo ra những chuyển biến sâu rộng trong chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất lao động; Chưa đóng góp rõ rệt vào nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; chưa có sự gắn kết chặt chẽ KH&CN&ĐMST trong phát triển các ngành, các lĩnh vực và các địa phương (*Ban Tuyên giáo TW, 2018; Ban Chấp hành TW, 2020*).

Năng lực nghiên cứu ứng dụng của các viện nghiên cứu, trường đại học chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Trường đại học chưa phải là chủ thể nghiên cứu mạnh, còn thiếu các viện nghiên cứu, các trường đại học đẳng cấp quốc tế, các tập thể khoa học mạnh và các chuyên gia đầu ngành (*Ban Tuyên giáo TW 2018, Ban Chấp hành TW 2020*). Theo thống kê của Bộ KH&CN, tính đến năm 2017, Việt Nam có bình quân 7,02 cán bộ nghiên cứu/10.000 dân (*Bộ KH&CN, 2019*), thấp hơn nhiều so với một số quốc gia trong khu vực châu Á, như Hàn Quốc là 71,1 (năm 2016), Nhật Bản là 52,1 (năm 2016), Trung Quốc là 12,1 (năm 2016), Singapore là 66,8 (năm 2016), Malaysia là 22,7 (năm 2015), Thái Lan là 12,1 (năm 2016),... (*Bộ KH&CN, 2019*). Đội ngũ nhân lực KH&CN có trình độ tiến sỹ, thạc sỹ tuy đông, nhưng hiện nay đang còn thiếu các nhà khoa học đầu ngành, các tổng công trình sư đủ năng lực chủ trì các nhiệm vụ KH&CN quan trọng quy mô quốc gia và quốc tế. Về đầu tư tài chính, tỷ lệ chi cho KH&CN ở nước ta năm 2013 là 0,39% GDP, năm 2014 là 0,35% GDP, năm 2015 là 0,41% GDP. So với một số quốc gia trong khu vực, con số này là rất nhỏ (năm 2015, Trung Quốc đạt 2% GDP, Malaysia đạt 1,3% GDP, Singapore đạt 2,2% GDP). Trong tổng kinh phí chi cho KH&CN, như vậy,

giai đoạn 2011-2016, chi sự nghiệp khoa học chiếm khoảng 56%, còn lại là chi đầu tư phát triển tới 44% (*Bộ KH&CN, 2019*).

Doanh nghiệp chưa thể hiện được vai trò quan trọng là trung tâm, quyết định cho ĐMST. Nhìn chung, các doanh nghiệp tiến hành ĐMST chưa nhiều, nhất là trong ĐMST về sản phẩm hoặc quy trình. Các doanh nghiệp lớn và liên doanh ĐMST nhiều hơn so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết quả khảo sát về ĐMST của Cục Thông tin KH&CN quốc gia (năm 2017) cho thấy, các doanh nghiệp lớn và có hoạt động xuất khẩu có xu hướng ĐMST nhiều hơn trong tất cả các chỉ tiêu đầu ra về ĐMST. Xét theo địa bàn, doanh nghiệp tại Hà Nội có xu hướng tham gia ĐMST về sản phẩm nhiều hơn so với doanh nghiệp ở Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Xét theo thành phần kinh tế, 59% doanh nghiệp nhà nước tham gia ĐMST về quy trình hoặc sản phẩm so với 51% ở doanh nghiệp nước ngoài và 48% ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nước. Thực chất là doanh nghiệp tư nhân trong nước tiến hành ĐMST ít hơn so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, điều này một phần do các doanh nghiệp tư nhân còn thiếu các yếu tố hỗ trợ như khả năng tiếp cận vốn và nhân lực chất lượng cao. Xét theo quy mô doanh nghiệp, 44% doanh nghiệp nhỏ thực hiện ĐMST về sản phẩm hoặc quy trình, so với 54% ở doanh nghiệp vừa và 60% ở doanh nghiệp lớn. Năng lực áp dụng và hấp thụ công nghệ còn thấp ở cả nhóm doanh nghiệp lớn dẫn dắt, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Chỉ một số lĩnh vực có tốc độ đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu như công nghệ thông tin - viễn thông, dầu khí, hàng không, tài chính - ngân hàng,... còn nhiều doanh nghiệp vẫn đang sử dụng công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới. Sự chuyển giao công nghệ tiên tiến, có tính cạnh tranh cao từ các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các doanh nghiệp nội địa còn hạn chế. Hệ thống ĐMST quốc gia ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và hoàn thiện, các thành tố và các mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống ĐMST quốc gia hiện nay đang từng bước hoàn thiện (*Ban Tuyên giáo TW, 2018; Ban Chấp hành TW, 2020*).

Cơ chế đầu tư, quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN&ĐMST chưa thực sự hiệu quả, cơ chế phân bổ ngân sách chưa hợp lý, chưa thực hiện tốt việc xã hội hóa các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho KH&CN&ĐMST. Cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động KH&CN&ĐMST còn thiếu và chưa đồng bộ. Hệ thống thông tin chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tính hệ thống, độ tin cậy của nguồn thông tin (*Ban Tuyên giáo TW, 2018; Bộ KH&CN, 2019*).

Hợp tác quốc tế chưa đi vào chiều sâu, thiếu trọng tâm, chưa chú trọng đến chuyển giao, tiếp thu và làm chủ công nghệ (*Ban Tuyên giáo TW, 2018; Bộ KH&CN, 2019*).

Nhìn chung, các hạn chế nêu trên thể hiện việc còn thiếu mối liên kết tổng thể hữu cơ để gắn kết giữa KH&CN&ĐMST với phát triển kinh tế-xã hội không chỉ ở quy mô quốc gia mà còn trong các ngành, các lĩnh vực và ở các địa phương. Hoạt động KH&CN&ĐMST dường như vẫn chỉ đóng vai trò bên cạnh các ngành kinh tế-xã hội chứ chưa thực sự gia nhập, hòa quyện, cùng đồng hành để KH&CN&ĐMST trở thành nội hàm, công cụ, phương tiện thiết yếu cho các ngành kinh tế-xã hội phát triển.

b) Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới các hạn chế trong đóng góp của KH&CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế-xã hội, trong đó có nguyên nhân chủ quan, khách quan, có nguyên nhân từ công tác triển khai văn bản, có nguyên nhân từ những hạn chế về tính đồng bộ, xuyên suốt và tính khả thi,... trong nội dung của một số văn bản. Một số nguyên nhân chủ yếu có thể kể đến là:

Thứ nhất, các nội dung về KH&CN&ĐMST đã được đề cập trong nhiều văn bản còn biệt lập, thiếu tính đồng bộ, xuyên suốt, thậm chí có những nội dung chỉ mang tính hình thức mà chưa thật sự gắn với nội hàm và chỉ tiêu của các lĩnh vực, của các ngành kinh tế-xã hội và của các địa phương nên khi triển khai văn bản tại các bộ, ngành, địa phương và tại các đơn vị cơ sở thì nhiều nội dung KH&CN&ĐMST không có phạm vi, đối tượng cụ thể để xác định, do đó, gây lúng túng và khó khăn đối với hoạt động KH&CN&ĐMST cũng như cho việc triển khai văn bản;

Thứ hai, còn có sự chưa phù hợp, đồng bộ giữa các văn bản trong những lĩnh vực khác nhau. Nhiều quy định pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, tài chính chưa thực sự đồng bộ với quy định pháp luật về KH&CN&ĐMST. Chẳng hạn, Luật KH&CN, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ là các luật chuyên ngành nhưng trong quá trình triển khai thì một số nội dung lại do các luật khác điều chỉnh như Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đấu thầu,... theo hướng làm giảm sự phát huy của hoạt động KH&CN&ĐMST, vì thế đã làm giảm tác động lan tỏa, giảm hiệu quả thực thi của các luật trong lĩnh vực KH&CN tới phát triển kinh tế-xã hội;

Thứ ba, một số nội dung trong văn bản đã không còn phù hợp, cần điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh phát triển mới của đất nước. Trong thời gian tới, những vấn đề như: tăng trưởng dựa trên phương thức phát triển truyền thống đã bão hòa, không còn phù hợp; mục tiêu phát triển mới để Việt Nam thoát bẫy thu nhập trung bình; xu hướng trên thế giới về diễn biến mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN4.0); Việt Nam gia nhập các FTA thế hệ mới; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; Đại dịch Covid

19;... là những bối cảnh mới cần được quan tâm trong xác định định hướng phát triển KH-CN&ĐMST Việt Nam những năm tới đây. Việc phát triển KH-CN&ĐMST trên cơ sở khai thác có hiệu quả các xu thế phát triển trên thế giới chính là sự cụ thể hóa của việc “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”;

Thứ tư, còn thiếu các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả, thiếu các quy định trách nhiệm rõ ràng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên thực tế.

Những nguyên nhân từ góc độ văn bản đã và đang từng bước được khắc phục trong xây dựng định hướng phát triển KH-CN&ĐMST giai đoạn tới đây nhằm tăng cường đóng góp của KH-CN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội.

3. Một số bối cảnh tác động đến định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030

Dưới đây là một số bối cảnh chủ yếu có tác động trực tiếp đến phát triển KH-CN&ĐMST và tác động đến đóng góp của KH-CN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tới ở nước ta:

- Vai trò, vị trí của KH-CN&ĐMST trong phát triển đất nước đã được Đảng và Nhà nước nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn (*Ban Tuyên giáo TW, 2018*). Đây là điều kiện thuận lợi để các định hướng phát triển KH-CN&ĐMST thời gian tới được quan tâm triển khai vào thực tiễn;
- Yêu cầu đòi hỏi phát triển KH-CN&ĐMST gắn với phát triển kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước để phát triển bền vững đất nước (*Ban Kinh tế TW, 2019*);
- Cuộc CMCN4.0 đã mở ra cơ hội mới nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới đối với đóng góp của KH-CN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội (*Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, 2016*). Bối cảnh này đặt ra yêu cầu Việt Nam cần chủ động đề tận dụng cơ hội và chuẩn bị những giải pháp để vượt qua những thách thức do cuộc CMCN4.0 tạo ra;
- Yêu cầu về cạnh tranh dựa trên KH-CN&ĐMST; xu hướng ĐMST như một giải pháp, động lực phát triển kinh tế-xã hội để phát triển bao trùm; đề cao vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống ĐMST quốc gia (*Ban Chấp hành TW, 2020*);
- Kết quả đạt được về KH-CN&ĐMST trong giai đoạn 2011-2020 sẽ tạo điều kiện tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ và hiệu quả mối quan hệ gắn kết giữa KH-CN&ĐMST với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, trong đó, đặc biệt là nhu cầu về KH-CN&ĐMST của các ngành, địa phương và doanh nghiệp ngày càng tăng mạnh mẽ;

- Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do FTA, hiệp định CPTPP,... sẽ tạo thêm các cơ hội mới để tranh thủ được các nguồn lực KHCN&ĐMST trên thế giới vào phát triển kinh tế-xã hội của đất nước;
- Nhiều cơ hội và thách thức nảy sinh từ sự căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đối với phát triển kinh tế Việt Nam thời gian tới.
- Đại dịch Covid 19 đã và đang diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, đặt ra yêu cầu đối với Việt Nam về việc chủ động ứng phó và khắc phục hậu quả của đại dịch;
- Hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 (*Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018*).

Đây là những bối cảnh chủ yếu ở trong nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định định hướng phát triển KHCN&ĐMST giai đoạn 2021-2030 ở nước ta.

4. Một số định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Văn bản dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) (sau đây gọi là Chiến lược) đang được lấy ý kiến rộng rãi của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân. Đây là văn kiện quan trọng trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Có thể thấy, trong dự thảo Chiến lược, nội dung KHCN&ĐMST, đặc biệt là các điểm mới về KHCN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội đã được thể hiện đồng bộ, hệ thống, xuyên suốt toàn bộ văn bản. Đây là căn cứ pháp lý có tính nền tảng, làm cơ sở cho việc triển khai các nội dung cụ thể trong các văn bản có liên quan khác sau này. Nội dung về KHCN&ĐMST đã được thể hiện trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) như sau (*Ban Chấp hành TW, 2020*):

4.1. Trong chủ đề của Chiến lược

KHCN&ĐMST được nhấn mạnh là cơ sở cho phát triển nhanh và bền vững đất nước, cụ thể như sau: *“Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở KHCN&ĐMST; đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”*.

4.2. Trong quan điểm phát triển

KHCN&ĐMST được đề cập ở 3 trong 5 quan điểm của dự thảo Chiến lược, cụ thể như sau:

- Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc CMCN4.0 gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh (Quan điểm 1);
- Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy ĐMST, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới (Quan điểm 2);
- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ (Quan điểm 4).

4.3. Trong mục tiêu chiến lược

KHCN&ĐMST được đề cập trong mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của dự thảo Chiến lược, cụ thể như sau:

- Kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở KHCN&ĐMST,... (Mục tiêu tổng quát);
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50% (Chỉ tiêu chủ yếu);
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 6,5%/năm (Chỉ tiêu chủ yếu).

4.4. Trong các đột phá chiến lược

KHCN&ĐMST được xác định là nội dung của đột phá chiến lược cùng với các đột phá về hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, phát triển toàn diện nguồn nhân lực, phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội. Trong dự thảo Chiến lược, đột phá chiến lược về KHCN&ĐMST được đề cập trong đột phá thứ hai, cụ thể như sau:

- Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, KHCN&ĐMST gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam;
- Phát triển mạnh mẽ KHCN&ĐMST và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh;
- Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, tiến tới làm chủ một số công nghệ mới;
- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số;
- Phát triển hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

4.5. Trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội

Khẳng định vai trò quan trọng của KH&CN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp về KH&CN&ĐMST đã được đề cập ở vị trí thứ 2 trong 10 phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH&CN&ĐMST được xác định trên nhiều mặt cơ bản, bao gồm: đổi mới thể chế, vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong phát triển KH&CN&ĐMST, phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN&ĐMST, đổi mới chương trình KH&CN, tăng cường đầu tư, phát triển nhân lực, thị trường KH&CN, hợp tác quốc tế, vai trò của các ngành, các cấp. Cụ thể như sau:

- Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; Chú trọng tháo gỡ các rào cản về hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế, tài chính đối với hoạt động KH&CN&ĐMST; Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, ĐMST, mô hình kinh doanh mới;
- Phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn; Gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ;
- Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN, gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng;
- Nâng cao tiềm lực KH&CN&ĐMST;
- Phát triển mạnh KH&CN&ĐMST là động lực chính của tăng trưởng kinh tế;
- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; Thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số;
- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST đạt 40%;
- Nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp;
- Tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, năng lượng, môi trường;

- Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ;
- Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế;
- Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình hành động để ứng dụng và phát triển KHCN&ĐMST trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương;
- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý KHCN&ĐMST;
- Phát triển mạnh thị trường KH&CN gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN;
- Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế.

5. Những điểm nổi bật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030)

Những nội dung về KHCN&ĐMST trong Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) đã thể hiện được tính kế thừa, phát triển và góp phần khắc phục hạn chế trong một số văn bản trước đây, có tính đến các bối cảnh mới ở trong nước và quốc tế. Cụ thể hơn, nội dung về KHCN&ĐMST đã thể hiện những điểm mới nổi bật sau:

- Nội dung KHCN&ĐMST được đề cập hệ thống, đồng bộ, xuyên suốt trong tất cả các phần của dự thảo Chiến lược, từ chủ đề, quan điểm phát triển, mục tiêu chiến lược, các đột phá chiến lược đến phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội;
- Có sự gắn kết chặt chẽ giữa KH&CN với ĐMST. ĐMST như là cầu nối với kinh tế-xã hội để KH&CN tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó đối tượng trực tiếp phát triển kinh tế-xã hội là doanh nghiệp;
- Nhấn mạnh vai trò gắn kết đồng bộ giữa các lĩnh vực KH&CN, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn;
- KHCN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế-xã hội được cụ thể hóa trên nhiều mặt và mang tính hành động;
- Doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong hệ thống ĐMST quốc gia;
- Cần tháo gỡ các rào cản về thể chế để thúc đẩy KHCN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là các rào cản, vướng mắc từ các cơ chế, chính sách kinh tế, đầu tư, thương mại;
- Nhấn mạnh việc xây dựng thể chế vượt trội và chấp nhận rủi ro trong hoạt động KHCN&ĐMST;
- Nhấn mạnh vai trò chủ động của các ngành, các cấp trong phát triển KHCN&ĐMST và thúc đẩy KHCN&ĐMST đóng góp phát triển kinh tế-xã hội.

Những điểm mới trên đây trong định hướng phát triển KHCN&ĐMST giai đoạn tới ngoài việc là sự tiếp nối đường lối, chủ trương phát triển KHCN&ĐMST của Đảng và Nhà nước, còn nhằm khắc phục những hạn chế tồn tại trong thời gian qua, đồng thời, là các nội hàm mới của KHCN&ĐMST cần được triển khai phù hợp với bối cảnh mới trong nước và quốc tế để tăng cường đóng góp của KHCN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội.

6. Kết luận

Theo mục tiêu đề ra, đến năm 2030, nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao và phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, có thu nhập cao thì việc tiếp tục duy trì mô hình tăng trưởng dựa vào vốn và lao động như trước đây sẽ không còn phù hợp, bởi mô hình này còn rất ít dư địa, có xu hướng chững lại, có nguy cơ đưa nước ta rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các quốc gia trên thế giới. Mô hình tăng trưởng trước đây cũng sẽ không còn phù hợp khi Việt Nam đã phát triển lên trình độ cao hơn, năng suất và chất lượng đã cao hơn. Trong những năm tới đây, thực tế và mục tiêu đặt ra cho Việt Nam là phải xây dựng được mô hình tăng trưởng mới dựa trên KHCN&ĐMST để nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt, trước bối cảnh cuộc CMCN4.0 và kinh tế số đã trở thành một trong những xu hướng phát triển chủ yếu của thời đại.

Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định mô hình tăng trưởng kinh tế của đất nước trong giai đoạn tới sẽ dựa trên KHCN&ĐMST. Rất nhiều hoạt động KHCN&ĐMST cần được triển khai trên thực tế. Đây là căn cứ nền tảng cho việc tiếp tục cụ thể hoá thành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn tới, đồng thời vừa là nhiệm vụ, là trách nhiệm, là thách thức, song cũng chính là cơ hội để phát triển ngành KHCN&ĐMST và để KHCN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững, đưa nước ta sớm đạt ngang tầm các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương, (2020). Dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2011-2020), xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2021-2030) (bản Dự thảo tháng 10/2020).

2. Ban Kinh tế Trung ương, (2019). “Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững, sáng tạo và bao trùm”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Hà Nội*, tháng 3/2019.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương, (2018). “Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Hà Nội, tháng 8/2018.
4. Bộ Khoa học và Công nghệ, (2012). *Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
5. Bộ Khoa học và Công nghệ, (2018, 2019). *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
6. Bộ Khoa học và Công nghệ, (2018, 2019). *Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN*.
7. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, (2016). “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”. *Tổng luận Khoa học, Công nghệ và Kinh tế*, số 8, 2016.
8. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, (2017). “Các xu hướng lớn toàn cầu tác động đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”. *Tổng luận Khoa học, Công nghệ và Kinh tế*, số 4, 2017.
9. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, (2019). “Các chính sách đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên số”. *Tổng luận Khoa học, Công nghệ và Kinh tế*, số 3, 2019.
10. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2020). “Giới thiệu báo cáo chỉ số GII năm 2020 và kết quả của Việt Nam”, xem 09/9/2020, <<https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/18350/gioi-thieu-bao-cao-chi-so-gii-nam-2020-va-ket-qua-cua-viet-nam.aspx>> .
11. World Bank, OECD, (2014). *Đánh giá Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam*.
12. World Bank, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2016). *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*. Báo cáo tổng quan.
13. Cameron A., và cộng sự. (2020). “Hướng tới tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo - các chiến lược kinh tế giúp Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập cao”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*. Số 2, năm 2020.
14. Nguyễn Xuân Phúc, (2019). “Tạo đột phá chiến lược trong phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo ở Việt Nam”, xem 17/5/2019. <<http://baochinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Tao-dot-pha-chien-luoc-trong-phat-trien-KHCN-va-doi-moi-sang-tao-o-Viet-Nam/366116.vgp>>.
15. Phan Xuân Dũng, (2018). *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Cuộc cách mạng của sự hội tụ và tiết kiệm*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

Tiếng Anh

16. Cameron A., Pham. T. H., Atherton J., Nguyen D H., P., N. T., & Tran S T. (2019). *Vietnam's future digital economy - Towards 2030 and 2045*. Retrieved from Hanoi.